

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 / 2022 / ST - HNGĐ

Ngày 01 - 3 - 2022

V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hà và bà Lữ Thị Hiền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Văn Dục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Tường Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị H. Địa chỉ: Bản H, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Lò Định N. Địa chỉ: Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La (Hiện đang thi hành hình phạt tù tại tổ 36, trại giam Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội) “đề nghị xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02 tháng 12 năm 2021 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày và đề nghị:

Chị và anh Lò Định N tìm hiểu yêu đương rồi kết hôn với nhau vào ngày 28 tháng 7 năm 2014, do UBND xã C, huyện S cấp giấy đăng ký kết hôn. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị và anh N về sống chung với gia đình bên chồng tại bản L, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Mới đầu hai vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc với nhau, được khoảng 6 - 7 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không tu chí làm ăn, hay chơi bời, rước chè, cờ bạc không chịu tăng gia sản xuất, không hòa đồng với nhau, chung quy lại là vợ, chồng, chị H và anh N là hai người không hợp tính nhau, mỗi người có một cách sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau nên chị H đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ của chị bản H, xã C, huyện S ở cho đến nay đã hơn 5 năm nay, không đi lại hỏi thăm, quan hệ vợ chồng với nhau. Hiện nay anh N đã đi cải tạo tại Trại giam

Thanh Xuân, Hà Nội từ năm 2017. Chị H cảm thấy không thể chung sống với anh N được nữa, chị đề nghị Tòa án huyện Y giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Có 01 cháu là Lò Duy B, sinh ngày 04/9/2015, nếu ly hôn thì chị H xin đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 21/01/2022, anh Lò Đình N trình bày và đề nghị:

Anh N xác nhận, anh và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không do ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S cấp giấy chứng nhận kết hôn và có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi kết hôn anh và chị H về sống chung với bố mẹ đẻ của anh, ở bản L, xã C, huyện Y, Sơn La. Vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn giữa hai vợ chồng phát sinh do hai bên không hợp nhau. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2016, ngày 16/02/2017 anh N bị bắt về hành vi phạm tội liên quan đến Ma túy và bị Tòa án huyện Y, tỉnh Sơn La xử phạt 7 năm 6 tháng tù. Ngày 02/10/2017 anh vào thi hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Xuân - thành phố Hà Nội cho đến nay. Anh N xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn và nhất trí đề nghị Tòa án huyện Y giải quyết, xét xử cho anh và chị H được ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu là Lò Duy B, sinh ngày 04/09/2015, nếu ly hôn anh N nhất trí giao con cho vợ là Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con đến tuổi trưởng thành vì anh chưa có điều kiện chăm sóc con, anh đang cải tạo tại trại giam Thanh Xuân - Hà Nội.

Về tài sản chung: Anh và chị H sống chung với bố mẹ, tài sản chưa có gì, anh không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án tiến hành đúng nhiệm vụ của thư ký theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 174 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho chị Lò Thị H và anh Lò Định N được ly hôn.

+ Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh N giao cháu Lò Duy B, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2015 cho chị H nuôi dưỡng, anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Chị Lò Thị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Lò Định N, nhưng anh N nhất trí với đề nghị trong đơn của chị H, không đề nghị gì thêm và anh N có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lò Thị H và anh Lò Định N là trai chưa vợ, gái chưa chồng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đã được UBND xã C, huyện S cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2014 và đã được tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi thành hôn hai anh chị sống chung với bố mẹ chồng ở bản L, xã C, huyện Y, Sơn La. Anh, chị sống chung hòa thuận hạnh phúc với nhau với thời gian rất ngắn (khoảng 6, 7 tháng), đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng tính tình không hợp, mỗi người có quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế và xây dựng hạnh phúc gia đình. Hơn nữa anh N là người ham chơi, lười lao động, thường xuyên rượu chè, ít khi ở nhà, cứ nay đây, mai đó làm chị H mất tin và bất lực, khiến cho tình cảm giữa hai người sút mẻ, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được mặc dù đã được bố, mẹ, anh, em họ hàng hai bên hòa giải thuyết phục, nhưng không thể cải thiện được. Chị H đã bỏ về ở với bố mẹ đẻ của chị cho đến nay đã hơn 5 năm, từ ngày đó cho đến nay hai vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không đi lại hỏi thăm quan hệ vợ chồng với nhau. Hiện nay anh N đang đi cải tạo tại trại

Giam Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Trước tòa chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Định N đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân, Hà Nội. Tòa án huyện Y đã ủy thác cho Trại giam Thanh Xuân cho anh N làm bản tự khai trình bày ý kiến của mình về việc chị H có đơn xin ly hôn. Anh N có ý kiến nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án huyện Y xét xử vắng mặt anh vì anh đang thi hành án phạt tù không có mặt tại Tòa án Y được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: “...Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Cần xử chấp nhận cho chị Lò Thị H và anh Lò Định N được ly hôn.

[3] Về con chung: Có 01 cháu tên là Lò Duy B, sinh ngày 01/9/2015, hiện tại con đang ở với chị H. Hai bên tự thỏa thuận giao cháu cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu, anh Lò Định N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thỏa thuận trên là phù hợp với pháp luật, cần chấp nhận giao cháu Lò Duy B cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành 18 tuổi, anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N, chị H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Lò Thị H và anh Lò Định N được ly hôn.
2. Về con chung: Giao cháu Lò Duy B, sinh ngày 04/9/2015, cho chị Lò Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lò Định N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0000982 ngày 06/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/3/2022) chị Lò Thị H được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Anh Lò Định N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát tỉnh Sơn La
- VKS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Văn Bình